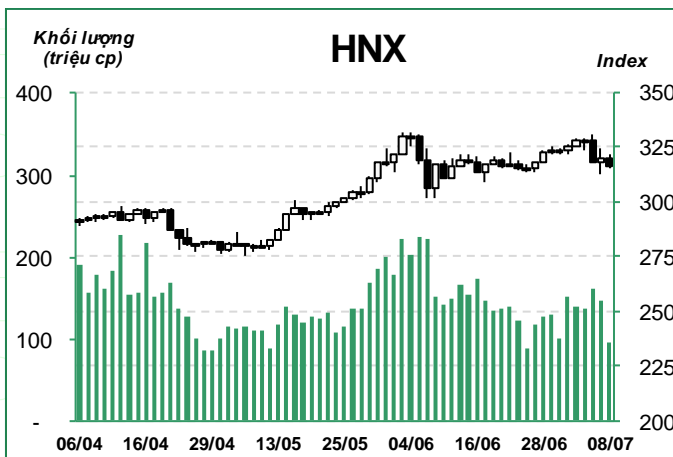
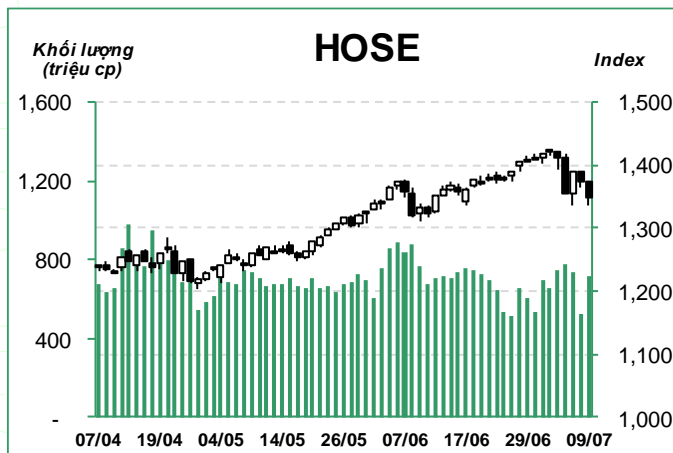


Tổng quan thị trường

09/07/2021	HOSE		VN30		HNX	
	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %
Giá trị đóng cửa	1,347.14	-2.00%	1,494.43	-1.76%	306.73	-2.93%
Cuối tuần trước	1,420.27	-5.15%	1,554.59	-3.87%	328.01	-6.49%
Trung bình 20 ngày	1,386.77	-2.86%	1,506.34	-0.79%	319.47	-3.99%
Tổng KLGĐ (triệu cp)	760.34	37.67%	295.37	30.62%	126.07	-9.98%
KLGĐ khớp lệnh	713.99	35.01%	287.67	31.43%	119.82	26.63%
Trung bình 20 ngày	663.43	7.62%	231.59	24.22%	128.97	-7.09%
Tổng GTGD (tỷ đồng)	25,709.97	27.29%	15,116.30	22.80%	2,820.02	-10.99%
GTGD khớp lệnh	23,457.64	23.33%	14,293.37	21.17%	2,712.57	24.38%
Trung bình 20 ngày	21,140.89	10.96%	11,922.70	19.88%	2,984.73	-9.12%
	Tỷ trọng		Tỷ trọng		Tỷ trọng	
Số mã tăng	77	19%	1	3%	64	17%
Số mã giảm	306	74%	28	93%	150	41%
Số mã đứng giá	33	8%	1	3%	153	42%



Thị trường có diễn biến giảm điểm tiêu cực trong ngày giao dịch cuối cùng của tuần khi không chỉ phủ nhận phiên bật trở lại trong ngày thứ 4 mà còn xóa đi thành quả tăng điểm trong nhiều tuần trước đó. Sắc đỏ lan tỏa đến hầu hết các nhóm ngành, từ cổ phiếu Bluechips đến các cổ phiếu midcap và penny. Điểm sáng hiếm hoi của trong phiên hôm nay đến từ giao dịch khối ngoại với khối này đồng loạt giải ngân mua ròng trở lại trên cả 2 sàn. Với phiên giảm điểm này, thị trường đã chính thức xác nhận tín hiệu tạo đỉnh và có thể tiếp tục giảm điểm trong những phiên sắp tới.

Trên sàn HoSE, VN-Index giảm hơn 27 điểm và chốt phiên tại mức 1,347.14 điểm (-2.00%). Thanh khoản gia tăng trở lại và vượt trên mức trung bình với KLGĐ khớp lệnh đạt 714.0 triệu cổ phiếu (+35.0%), tương đương 23,458 tỷ đồng giá trị (+23.3%). Độ rộng thị trường ghi nhận sự áp đảo hoàn toàn của bên bán với 306 mã giảm/77 mã tăng.

Tác động tiêu cực nhất đến chỉ số hôm nay là Tập đoàn Cao su Việt Nam-GVR (-6.9%) khi cổ phiếu này bất ngờ bị bán sàn vào cuối phiên. Bên cạnh đó, nhiều cổ phiếu trụ khác thuộc các nhóm ngành như bất động sản, ngân hàng, thép, dầu khí hay chứng khoán cũng có mức giảm đáng kể. Ở chiều ngược lại, Thế giới di động-MWG (+2.3%), Ngân hàng Thương mại Quốc tế-VIB (+1.9%) là những cổ phiếu Bluechips hiếm hoi vẫn giữ được đà tăng. Dù vậy, các cổ phiếu này cũng hạ nhiệt phần nào so với mức tăng cao trong phiên. Bên cạnh đó, ở nhóm midcap cũng ghi nhận một vài cổ phiếu thu hút được dòng tiền như Hóa chất Đức Giang-DGC (+5.3%), Xây dựng Hà Đô-HDG (+4.3%) hay Bảo hiểm Bảo Minh-BMI (+3.7%).

Khối ngoại đảo chiều mua ròng 789.7 tỷ đồng trên sàn HoSE hôm nay. Trong đó, MBBank-MBB dẫn đầu trong số những cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất với 378.0 tỷ. Ngoài ra,

Giao dịch thỏa thuận

Mã CK	Khối lượng ('000 cp)	GTGD (tỷ đồng)
HOSE		
MWG	2,247.2	414.61
GEX	9,279.3	222.70
FPT	1,341.9	128.82
EIB	3,685.3	109.47
TCB	1,740.0	99.18
VIB	1,540.0	82.39
HAG	9,780.0	48.61
PNJ	391.2	41.74
PDR	400.0	38.00
NVL	300.0	33.30
HNX		
VC3	2,643.3	58.15
SHS	387.0	15.48
VND	279.0	10.99
SVN	2,193.0	7.02
VMC	400.0	4.20
BBC	68.0	4.08
LHC	33.0	2.64
IDC	52.8	1.81
HVT	44.6	1.28
HUT	120.0	0.96

một số cổ phiếu cũng được mua ròng mạnh như Hòa Phát-HPG (+180.1 tỷ), Vinhomes-VHM (+77.4 tỷ), Sacombank-STB (+62.7 tỷ). Ngược lại, lực bán chủ yếu đến từ các cổ phiếu như Novaland-NVL (-182.9 tỷ), VPBank-VPB (-39.1 tỷ) hay chứng chỉ quỹ E1VFN30 (-67.2 tỷ).

Trên sàn HNX, HNX-Index đóng cửa gần như thấp nhất phiên tại mức 306.73 điểm (-2.93%). Thanh khoản cũng gia tăng với KLGD khớp lệnh đạt 119.8 triệu cổ phiếu (+26.6%), tương đương 2,712.6 tỷ đồng giá trị (+24.4%).

Ngoại trừ Thaiholdings-THD (+0.2%) còn giữ được sắc xanh nhẹ, các cổ phiếu trụ cột khác của sàn HNX đều chìm trong sắc đỏ, thậm chí nhiều mã giảm sâu. Trong đó, áp lực lớn nhất thuộc về nhóm ngân hàng khi Ngân hàng Sài Gòn Hà Nội-SHB giảm đến 7.5% còn Ngân hàng Bắc Á-BAB hay Ngân hàng Quốc Dân-NVB cũng giảm hơn 3% mỗi mã. Nhóm chứng khoán cũng tiêu cực không kém với nhiều mã bị bán mạnh cùng khối lượng lớn như Chứng khoán MB-MBS (-5.6%), Chứng khoán Sài Gòn Hà Nội -SHS (-4.5%) hay Chứng khoán VNDIRECT-VND (-4.1%).

Khối ngoại đã gom mua trở lại trên sàn HNX, đạt giá trị 7.5 tỷ đồng. Trong đó, Chứng khoán VNDIRECT-VND (+10.3 tỷ), Thaiholdings-THD (+8.2 tỷ), Chứng khoán MB-MBS (+6.7 tỷ) lần lượt là những cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất. Trái lại, khối ngoại tập trung bán ròng Dầu khí PTSC-PVS (-19.4 tỷ), CK Châu Á - TBD-APS (-2.9 tỷ), Than Núi Béo-NBC (-2.6 tỷ).

Theo quan điểm kỹ thuật, VN Index có phiên giảm điểm thứ hai liên tiếp. Khối lượng giao dịch gia tăng vượt mức bình quân 10 và 20 phiên hàm ý dòng tiền đang thoát ra ngoài. Không những vậy, xu hướng giảm ngắn hạn của chỉ số đang mạnh lên, khi chỉ số duy trì đóng cửa dưới MA5 và 20, cùng với đường ADX nằm trên vùng 27 và đường -DI nói rộng khoản cách lên phía trên so với +DI, cho thấy áp lực điểm đang gia tăng. Thêm vào đó, các chỉ báo kỹ thuật khác cũng cho tín hiệu tiêu cực, với MACD nằm dưới Signal duy trì tín hiệu bán và RSI hướng xuống vùng 44 cho thấy chỉ số có thể tiếp tục chịu sức ép về hỗ trợ quanh vùng 1,300 – 1,330 điểm (ngưỡng tâm lý và MA50). Đối với sàn Hà Nội, HNX Index có diễn biến tương tự. Chỉ số có phiên giảm cắt xuống dưới MA50, cùng với đường +DI nói rộng khoản cách xuống dưới so với -DI, cho thấy áp lực giảm đang mạnh lên, chỉ số có thể tiếp tục suy giảm về vùng hỗ trợ tâm lý 300 điểm hoặc xa hơn vùng 290 điểm (MA100). Nhìn chung, áp lực giảm đang mạnh lên. Do đó, nhà đầu tư nên giữ tỷ trọng ở mức an toàn nhằm tránh rủi ro bất ngờ từ thị trường.

Thông kê top 5 cổ phiếu giao dịch khớp lệnh

HOSE

Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
HSL	7.2	670.0	7.0%
CIG	7.6	51.9	6.9%
HID	6.5	2,308.0	6.9%
ABS	22.8	419.9	6.8%
MHC	11.2	2,403.8	6.7%

Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
ROS	5.2	32,200.3	-7.0%
HVH	9.5	570.8	-7.0%
CTS	21.4	2,048.7	-7.0%
DRH	9.3	922.1	-6.9%
SCR	9.4	9,368.2	-6.9%

Top 5 giá trị

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
TCB	56.6	2,284.3	0.0%
HPG	47.3	2,278.4	-3.5%
MBB	41.9	1,586.9	-0.6%
VPB	68.8	1,391.9	-0.7%
STB	29.1	1,146.1	-3.6%

Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
HPG	47.3	47,352.6	-3.5%
TCB	56.6	39,974.3	0.0%
STB	29.1	38,413.8	-3.6%
MBB	41.9	37,719.0	-0.6%
FLC	11.2	37,061.7	-5.5%

HNX

Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
HDA	15.5	4.9	9.9%
ALT	13.7	0.3	8.7%
SVN	3.8	2,608.4	8.6%
PBP	8.9	0.7	8.5%
BST	17.9	11.8	8.5%

Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
PSI	9.0	133.9	-10.0%
TKC	8.5	14.2	-9.6%
BVS	27.5	1,836.4	-9.5%
AMC	19.0	1.5	-9.5%
NAP	11.8	0.3	-9.2%

Top 5 giá trị

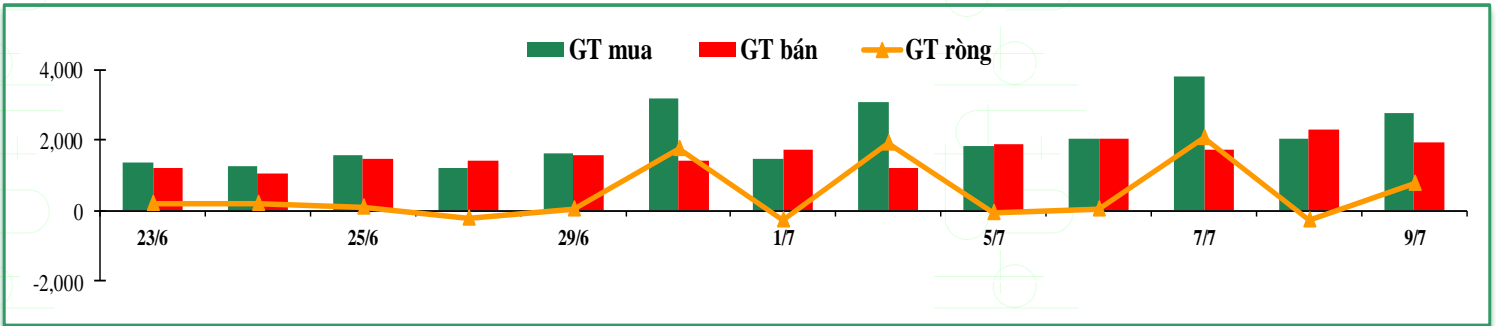
Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
SHB	26.0	603.5	-7.5%
SHS	42.0	349.3	-4.5%
VND	41.8	347.4	-4.1%
PVS	23.4	346.0	-5.6%
THD	206.3	176.4	0.2%

Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
SHB	26.0	21,872.0	-7.5%
PVS	23.4	14,302.1	-5.6%
KLF	4.0	8,283.8	-9.1%
VND	41.8	8,178.6	-4.1%
SHS	42.0	8,128.4	-4.5%

Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài

Sàn GD	GT Mua	% Thị trường	GT Bán	% Thị trường	Mua-Bán
HOSE	2,706.3	10.5%	1,916.6	7.5%	789.7
HNX	53.5	1.9%	46.0	1.6%	7.5
Tổng số	2,759.8		1,962.5		797.2



HOSE

Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
MBB	41.9	404.7	-0.6%
MWG	176.5	396.4	2.3%
HPG	47.3	312.3	-3.5%
VCB	109.8	189.0	-1.1%
FPT	89.7	121.4	-0.1%

Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
MWG	176.5	396.4	2.3%
NVL	103.5	263.5	-6.6%
VCB	109.8	161.1	-1.1%
HPG	47.3	132.2	-3.5%
FPT	89.7	121.4	-0.1%

Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
MBB	41.9	378.0	-0.6%
HPG	47.3	180.1	-3.5%
VHM	112.5	77.4	-2.2%
STB	29.1	62.7	-3.6%
KDH	36.6	61.0	-0.4%

HNX

Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VND	41.8	25.8	-4.1%
THD	206.3	8.2	0.2%
MBS	32.0	6.7	-5.6%
BSI	21.5	4.6	-8.1%
BVS	27.5	4.0	-9.5%

Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
PVS	23.4	20.2	-5.6%
VND	41.8	15.4	-4.1%
APS	13.4	2.9	-6.9%
NBC	13.6	2.6	-2.9%
BVS	27.5	1.5	-9.5%

Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VND	41.8	10.3	-4.1%
THD	206.3	8.2	0.2%
MBS	32.0	6.7	-5.6%
BSI	21.5	4.6	-8.1%
BVS	27.5	2.5	-9.5%

Tin trong nước

TP HCM: 3,2 tỷ USD kiều hối đổ về trong 6 tháng đầu năm 2021

Ngày 8/7, Phó Giám đốc Ngân hàng Nhà nước phụ trách chi nhánh TP HCM cho biết trong nửa đầu năm 2021, lượng kiều hối đổ về TP HCM đạt 3,2 tỷ USD, tăng 22,34% so với cùng kỳ năm ngoái.

Trước đó, các chuyên gia dự báo cả năm nay lượng kiều hối về TP HCM sẽ đạt khoảng 6,5 tỷ USD, sau khi tăng 15% lên mức kỷ lục 6,1 tỷ USD vào năm ngoái. Như vậy, đến thời điểm này, lượng kiều hối đổ về TP HCM đã đạt khoảng 50% kế hoạch.

Trong số liệu cập nhật ngày 21/5, Ngân hàng Thế giới đã điều chỉnh ước tính lượng kiều hối về Việt Nam năm 2020 từ mức 15,7 tỷ USD trong báo cáo hồi tháng 10/2020 lên đến 17,2 tỷ USD. Đặc biệt, Việt Nam tiếp tục nằm trong top 10 quốc gia nhận kiều hối nhiều nhất thế giới.

Xuất khẩu điện thoại giảm mạnh

Theo thống kê từ Tổng cục Hải quan, tháng 6 vừa qua, xuất khẩu điện thoại các loại và linh kiện đạt 2,7 tỷ USD, tiếp tục sụt giảm gần 25% so với tháng trước. Đây là tháng thứ 3 liên tiếp kim ngạch xuất khẩu của nhóm hàng mũi nhọn này giảm sút.

Hiện điện thoại, linh kiện là một trong những mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam mặc dù phần lớn các sản phẩm này đều đến từ các doanh nghiệp FDI. Tính chung 6 tháng đầu năm, mặt hàng này vẫn là nhóm hàng có trị giá xuất khẩu lớn nhất khi đạt 24,5 tỷ USD, tăng gần 12% so với cùng kỳ năm ngoái.

Trong khi xuất khẩu điện thoại sụt giảm thì kim ngạch xuất khẩu của nhóm hàng máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện lại tăng nhẹ. Theo Tổng cục Hải quan, trị giá xuất khẩu trong tháng 6 ước tính đạt 4 tỷ USD, tăng hơn 3% so với tháng trước.

Nguồn: NDH · Cafef

Tin doanh nghiệp niêm yết

Vinhomes muốn bán 60 triệu cổ phiếu quỹ

Vinhomes (HoSE: VHM) công bố Nghị quyết HĐQT thông qua việc bán toàn bộ 60 triệu cổ phiếu quỹ, tương đương 1,79% vốn điều lệ. Doanh nghiệp bán cổ phiếu quỹ để bổ sung vốn lưu động.

Phương thức giao dịch có thể là khớp lệnh hoặc thỏa thuận trên sàn chứng khoán. Cổ phiếu VHM hiện có giá 115.000 đồng/cp, tăng 31% tính từ đầu tháng 2. Tạm tính theo giá thị trường, lô cổ phiếu quỹ của Vinhomes có giá 6.900 tỷ đồng.

Tại kỳ họp ĐHCĐ thường niên năm nay, cổ đông Vinhomes đã thông qua kế hoạch chia cổ tức kỷ lục 45%, bao gồm 15% tiền mặt và 30% cổ phiếu. Dự kiến công ty phát hành 986,8 triệu cổ phần để trả cổ tức tỷ lệ 30%. Vốn điều lệ sau phát hành vào khoảng 43.363 tỷ đồng. Thời gian thực hiện trong quý III - IV năm nay.

Gần 390 triệu cổ phiếu thưởng của Novaland được giao dịch từ 16/7

Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM (HoSE) thông báo 385,9 triệu cổ phiếu Novaland (HoSE: NVL) sẽ được niêm yết bổ sung vào ngày 12/7, chính thức giao dịch ngày 16/7. Đây là lượng cổ phiếu Novaland phát hành để thưởng cho cổ đông hiện hữu từ vốn chủ sở hữu.

Số lượng chứng khoán sau khi thay đổi niêm yết của doanh nghiệp tăng lên 1,47 tỷ cổ phiếu, tỷ lệ tăng 35,68%.

TV2 chốt quyền chia cổ tức năm 2020 tỷ lệ 35%

Tư vấn Xây dựng Điện 2 (HoSE: TV2) thông báo 16/7 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức năm 2020 tổng tỷ lệ 35%, trong đó 10% bằng tiền mặt và 25% bằng cổ phiếu. Thời gian thanh toán cổ tức bằng tiền dự kiến là 22/10.

Với hơn 36 triệu cổ phiếu đang lưu hành, doanh nghiệp sẽ trả hơn 36 tỷ đồng và phát hành thêm khoảng 9 triệu cổ phiếu mới để hoàn thành nghĩa vụ chi trả cổ tức năm 2020. Vốn điều lệ sau phát hành dự kiến tăng thành 450 tỷ đồng.

Sang năm 2021, công ty đặt kế hoạch tổng doanh thu là 3.681 tỷ đồng, tăng gần 8% so với năm ngoái. Chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế là 270 tỷ đồng, tăng gần 3%. Chính sách cổ tức không dưới tỷ lệ 25%.

Sau 3 tháng đầu năm, doanh thu đạt gần 346 tỷ đồng, giảm 46% so với cùng kỳ, hoàn thành 9,4% chỉ tiêu cả năm. Lợi nhuận sau thuế cũng giảm mạnh gần 48% xuống còn 28,5 tỷ đồng, tương đương 10,6% kế hoạch năm.

Nguồn: NDH

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	VGC	Mua	12/07/21	29.5	29.5	0.0%	35	18.6%	27.9	-5.4%	Cổ phiếu có tín hiệu cải thiện ở vùng hỗ trợ mạnh

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Kháng cự	Tín hiệu kỹ thuật
1	TAR	Quan sát mua	12/07/21	16.8	18.6-19	Nhịp điều chỉnh về lại đáy 17 khá tốt với áp lực bán yếu đi + phiên tăng kéo MACD Histogram tăng trở lại kèm vol gia tăng -> cơ hội tạo đáy quanh đây, cần phiên tăng đóng cửa vượt 17.3 để xác nhận
2	CSV	Quan sát mua	12/07/21	28.6	30-30.5 32-33	Nén tăng tốt kèm vol, phủ nhận nén giảm vol cao trước đó cho khả năng phiên giảm này là rũ hàng -> khả năng đã tạo đáy và có thể tăng trở lại
3	DXG	Quan sát mua	12/07/21	23	25.5-26 29	Ba phiên hồi phục phủ nhận nén giảm vol cao trước đó cho khả năng phiên giảm này là phiên rũ hàng -> khả năng đã tạo đáy và có thể tiếp tục hồi phục

Danh mục cổ phiếu đã khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	FRT	Mua	02/07/21	29.1	27.55	5.6%	32.5	18.0%	26.4	-4%	
2	LHG	Mua	08/07/21	45	46	-2.2%	58	26.1%	42.9	-7%	

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Danh mục chứng quyền có đảm bảo

Mã chứng quyền	Thông kê giao dịch chứng quyền ngày 09/07/2021									Thông tin chứng quyền				
	Giá phát hành (VND)	Giá đóng cửa (VND)	Tăng/giảm trong ngày (%)	Tăng/giảm so với giá phát hành (%)	KL chứng quyền khớp lệnh	Số ngày tới hạn	Giá CKCS (VND)	Giá chứng quyền mua lý thuyết (VND)	Chênh lệch so với giá đóng cửa	CTCKPH	CKCS	Giá thực hiện quyền (VND)	Tỷ lệ chuyển đổi n:1	Ngày đáo hạn
CHDB2101	1,000	2,800	-1.4%	180%	3,520	75	35,000	1,050	(1,750)	KIS	HDB	29,890	5.0	22/09/2021
CHPG2101	1,050	7,400	-6.9%	605%	6,860	75	47,300	4,476	(2,924)	KIS	HPG	34,470	2.9	22/09/2021
CHPG2105	3,000	13,320	-8.1%	344%	10,430	31	47,300	10,984	(2,336)	HCM	HPG	30,880	1.5	09/08/2021
CHPG2106	4,100	11,000	-8.3%	168%	5,300	49	47,300	6,997	(4,003)	MBS	HPG	36,910	1.5	27/08/2021
CHPG2107	1,300	3,590	-9.6%	176%	14,230	34	47,300	1,011	(2,579)	KIS	HPG	43,650	3.7	12/08/2021
CHPG2108	1,200	3,500	-9.6%	192%	43,590	34	47,300	994	(2,506)	KIS	HPG	43,710	3.7	12/08/2021
CKDH2002	1,600	3,340	-1.5%	109%	13,500	38	36,600	3,279	(61)	KIS	KDH	24,850	3.6	16/08/2021
CKDH2101	1,000	2,400	-3.6%	140%	3,110	75	36,600	1,430	(970)	KIS	KDH	30,300	4.5	22/09/2021
CKDH2102	2,800	5,050	1.2%	80%	5,330	35	36,600	4,660	(390)	MBS	KDH	28,270	1.8	13/08/2021
CMBB2102	1,200	2,600	-3.7%	117%	10,740	34	41,850	745	(1,855)	KIS	MBB	34,470	10.0	12/08/2021
CMSN2101	1,050	2,350	2.2%	124%	4,780	75	116,900	920	(1,430)	KIS	MSN	99,150	19.8	22/09/2021
CMSN2102	1,000	2,080	0.0%	108%	10,130	75	116,900	412	(1,668)	KIS	MSN	110,160	19.8	22/09/2021
CMSN2103	3,000	6,200	-1.6%	107%	15,100	35	116,900	5,056	(1,144)	MBS	MSN	87,250	5.9	13/08/2021
CMWG2102	3,000	10,620	1.2%	254%	20,060	24	176,500	11,334	714	VCI	MWG	120,000	5.0	02/08/2021
CMWG2104	2,400	7,000	-0.7%	192%	10,000	(109)	176,500	(1)	(7,001)	ACBS	MWG	135,000	10.0	22/03/2021
CMWG2105	2,950	5,870	3.0%	99%	41,800	49	176,500	5,672	(198)	MBS	MWG	131,500	8.0	27/08/2021
CNVL2101	1,000	5,020	-3.3%	402%	13,950	75	103,500	4,009	(1,011)	KIS	NVL	56,840	11.7	22/09/2021
CNVL2102	1,100	3,250	0.6%	195%	46,580	80	103,500	800	(2,450)	KIS	NVL	94,640	11.8	27/09/2021
CPDR2101	1,100	3,900	-1.3%	255%	13,260	49	94,400	1,198	(2,702)	KIS	PDR	88,890	5.0	27/08/2021
CPDR2102	1,100	4,540	-1.5%	313%	2,550	80	94,400	1,349	(3,191)	KIS	PDR	89,000	5.0	27/09/2021
CPNJ2102	2,000	5,900	1.7%	195%	13,070	24	105,500	5,276	(624)	VCI	PNJ	79,230	5.0	02/08/2021
CSBT2101	1,100	2,080	-1.0%	89%	2,840	75	18,100	0	(2,080)	KIS	SBT	24,670	5.0	22/09/2021
CSTB2101	1,000	5,920	-4.5%	492%	10,710	75	29,100	3,599	(2,321)	KIS	STB	22,000	2.0	22/09/2021
CSTB2103	1,400	6,700	-4.3%	379%	19,570	31	29,100	5,566	(1,134)	HCM	STB	18,000	2.0	09/08/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CSTB2104	4,000	9,500	-6.0%	138%	7,650	49	29,100	6,266	(3,234)	MBS	STB	22,900	1.0	27/08/2021
CTCB2012	5,400	34,900	-1.9%	546%	4,840	21	56,600	34,627	(273)	SSI	TCB	22,000	1.0	30/07/2021
CTCB2101	5,000	26,400	0.4%	428%	15,290	88	56,600	25,760	(640)	ACBS	TCB	31,000	1.0	05/10/2021
CTCB2103	2,900	10,760	0.8%	271%	97,840	31	56,600	10,582	(178)	HCM	TCB	35,500	2.0	09/08/2021
CTCB2104	2,000	8,020	0.1%	301%	13,350	49	56,600	5,466	(2,554)	MBS	TCB	45,800	2.0	27/08/2021
CTCH2003	1,600	630	-4.6%	-61%	9,920	38	20,000	0	(630)	KIS	TCH	23,410	3.9	16/08/2021
CTCH2101	1,000	1,680	-1.2%	68%	320	75	20,000	4	(1,676)	KIS	TCH	24,060	3.9	22/09/2021
CTCH2102	2,750	710	-6.6%	-74%	12,150	35	20,000	(0)	(710)	MBS	TCH	25,000	2.0	13/08/2021
CTCH2103	1,200	680	-12.8%	-43%	28,190	34	20,000	(0)	(680)	KIS	TCH	31,670	4.0	12/08/2021
CVHM2101	1,100	1,990	-5.2%	81%	10,260	75	112,500	430	(1,560)	KIS	VHM	106,890	16.0	22/09/2021
CVHM2104	1,600	2,240	-2.6%	40%	15,700	31	112,500	1,468	(772)	HCM	VHM	98,000	10.0	09/08/2021
CVHM2105	1,500	2,400	-13.0%	60%	2,380	35	112,500	904	(1,496)	MBS	VHM	105,500	8.0	13/08/2021
CVHM2106	1,300	2,630	-10.5%	102%	16,390	34	112,500	6	(2,624)	KIS	VHM	118,670	10.0	12/08/2021
CVIC2101	1,000	1,300	-13.3%	30%	4,800	75	108,600	1	(1,299)	KIS	VIC	126,890	20.0	22/09/2021
CVIC2103	1,100	1,260	-6.7%	15%	18,660	80	108,600	0	(1,260)	KIS	VIC	165,900	20.0	27/09/2021
CVNM2101	1,100	1,230	-4.7%	12%	500	75	87,000	0	(1,230)	KIS	VNM	124,180	19.6	22/09/2021
CVNM2104	1,480	1,810	-5.7%	22%	9,110	66	87,000	0	(1,810)	MBS	VNM	101,730	9.9	13/09/2021
CVNM2105	1,100	1,340	-4.3%	22%	14,680	80	87,000	0	(1,340)	KIS	VNM	117,930	19.8	27/09/2021
CVPB2015	5,600	42,800	-1.9%	664%	3,580	21	68,800	42,832	32	SSI	VPB	26,000	1.0	30/07/2021
CVPB2103	2,700	15,960	-4.6%	491%	7,480	31	68,800	16,183	223	HCM	VPB	36,500	2.0	09/08/2021
CVPB2104	2,500	8,570	-7.8%	243%	3,930	49	68,800	6,647	(1,923)	MBS	VPB	49,000	3.0	27/08/2021
CVRE2013	5,000	2,900	-17.4%	-42%	29,530	21	28,000	587	(2,313)	SSI	VRE	27,500	1.0	30/07/2021
CVRE2101	1,200	1,580	-5.4%	32%	100	75	28,000	0	(1,580)	KIS	VRE	34,570	4.0	22/09/2021
CVRE2103	1,300	700	-1.4%	-46%	18,180	31	28,000	0	(700)	HCM	VRE	32,000	4.0	09/08/2021
CVRE2104	3,000	960	-14.3%	-68%	6,880	35	28,000	0	(960)	MBS	VRE	34,300	2.0	13/08/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Cập nhật danh mục cổ phiếu phân tích

Mã CK	Sàn	Thị giá	Giá hợp lý*	Ngày ra báo cáo	Lợi nhuận 2021F (tỷ)	EPS 2021F	BV 2021F	ROE 2021F	ROA 2021F	PE 2021F	PB 2021F	Cổ tức dự kiến**	
DXG	(New)	HOSE	23,000	32,300	09/07/2021	1,390	1,727	14,784	13%	5%	18.7	2.1	-
DHC	(New)	HOSE	102,600	109,000	08/07/2021	497	8,868	31,698	28%	18%	12.3	3.4	25%
GMD	(New)	HOSE	40,000	54,800	07/07/2021	541	1,794	22,180	8%	5%	31.5	2.5	0%
GVR	(New)	HOSE	31,600	40,200	05/07/2021	4,906	1,042	13,121	9%	6%	38.6	3.1	6%
HPG	(New)	HOSE	47,300	64,800	02/07/2021	28,065	6,261	18,845	33%	18%	10.4	3.4	5%
TPB	(New)	HOSE	37,000	42,600	25/06/2021	4,546	3,880	19,024	23%	2%	11.0	2.2	0%
KDC		HOSE	61,000	65,200	24/06/2021	510	1,800	32,806	7%	4%	37.1	2.8	6%
KDH		HOSE	36,600	37,950	16/06/2021	1,174	1,885	14,536	15%	9%	20.1	2.6	-
SZC		HOSE	35,300	44,400	15/06/2021	202	2,025	13,476	15%	3%	21.2	3.3	10%
AAA		HOSE	16,100	21,500	07/06/2021	413	1,739	17,474	11%	5%	10.2	1.0	-
NLG		HOSE	38,000	43,800	31/05/2021	1,120	4,276	26,800	16%	9%	10.2	1.6	5%
VRE		HOSE	28,000	42,500	31/05/2021	2,603	1,419	11,745	9%	6%	35.5	3.6	-
VHM		HOSE	112,500	137,000	31/05/2021	34,194	10,223	42,470	36%	11%	13.4	4.2	-
PHR		HOSE	50,800	67,600	28/05/2021	1,146	8,158	20,173	32%	16%	6.6	2.1	30%
KBC		HOSE	32,200	47,200	28/05/2021	1,682	3,251	25,883	14%	6%	14.5	1.5	0%
REE		HOSE	52,900	62,100	28/05/2021	1,937	5,984	45,456	14%	9%	10.4	1.4	0%
ANV		HOSE	28,600	26,000	27/05/2021	281	2,202	18,506	12%	6%	11.8	1.4	-
VHC		HOSE	39,250	48,900	27/05/2021	951	5,188	31,003	12%	17%	9.4	1.6	-
FMC		HOSE	34,000	43,900	27/05/2021	236	4,014	21,355	17%	12%	10.0	1.9	-
MPC		UPCOM	36,900	44,700	27/05/2021	762	3,811	27,801	14%	8%	11.7	1.6	-
IMP		HOSE	74,800	63,700	27/05/2021	241	3,611	27,902	13%	11%	17.7	2.3	-
DHG		HOSE	93,300	100,400	27/05/2021	742	5,676	28,774	20%	16%	18.1	3.6	30%
FRT		HOSE	29,100	37,700	26/05/2021	113	1,426	15,852	5%	1%	26.5	2.4	10%
DGW		HOSE	144,900	155,000	26/05/2021	448	10,410	36,323	29%	12%	14.9	4.3	20%
PNJ		HOSE	105,500	116,000	26/05/2021	1,538	6,762	27,589	25%	16%	17.2	4.2	20%
MWG		HOSE	176,500	168,000	26/05/2021	6,019	12,654	43,999	29%	11%	13.4	3.8	15%
SAB		HOSE	160,000	182,900	26/05/2021	4,985	7,369	36,116	21%	17%	26.6	5.1	35%

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

MSN		HOSE	116,900	104,500	26/05/2021	2,784	2,382	16,687	16%	3%	43.9	6.3	-
VNM		HOSE	87,000	128,000	26/05/2021	10,488	4,972	16,501	30%	20%	25.8	7.8	45%
TCM		HOSE	91,200	82,800	17/05/2021	287	4,630	28,532	16%	9%	17.9	2.9	-
STK		HOSE	38,900	41,000	17/05/2021	187	2,211	14,974	15%	10%	18.6	2.7	-
NVL		HOSE	103,500	104,600	13/05/2021	4,369	4,389	29,673	13%	3%	23.8	3.5	-
VGG		UPCOM	42,000	55,500	13/05/2021	187	4,249	41,384	10%	4%	13.1	1.3	20%
VCB		HOSE	109,800	118,300	10/05/2021	22,986	6,198	32,887	21%	2%	19.1	3.6	-
ACB		HOSE	35,200	39,800	10/05/2021	9,253	4,281	21,066	24%	2%	7.6	1.4	-
TCB		HOSE	56,600	51,300	10/05/2021	15,741	4,497	25,278	19%	3%	11.4	2.0	-
GEG		HOSE	15,800	21,200	07/05/2021	388	1,273	12,788	10%	4%	16.8	1.7	4%
BMP		HOSE	57,000	66,900	06/05/2021	551	6,735	32,184	21%	17%	9.9	2.1	43%
CTD		HOSE	63,800	69,200	29/04/2021	593	7,960	112,448	7%	4%	8.7	0.7	10%
FPT		HOSE	89,700	91,800	14/04/2021	5,036	4,730	26,109	25%	11%	19.4	3.5	20%
VGS		HNX	15,000	24,600	13/04/2021	171	3,623	25,974	20%	5%	7.5	1.4	10%
SMC		HOSE	36,000	37,200	13/04/2021	313	4,961	17,978	20%	8%	6.8	1.4	10%
ACV		UPCOM	75,000	85,600	09/04/2021	3,027	1,390	17,759	8%	5%	60.6	4.7	6%
PLX		HOSE	50,800	64,800	31/03/2021	4,563	3,668	17,545	18%	7%	17.7	3.7	30%
SBT		HOSE	18,100	30,000	25/03/2021	744	1,165	13,578	9%	4%	25.8	2.2	5%
QNS		UPCOM	40,000	48,000	16/03/2021	1,043	1,491	20,653	14%	8%	32.2	2.3	-
GAS		HOSE	91,700	102,000	05/03/2021	10,892	5,691	27,913	20%	15%	18.0	3.7	35%
MSH		HOSE	56,200	56,300	03/03/2021	336	6,721	30,835	22%	12%	8.4	1.8	-
TNG		HOSE	20,100	23,800	19/02/2021	198	2,671	16,167	17%	5%	8.9	1.5	-
GIL		HOSE	59,700	54,800	05/02/2021	317	8,813	43,186	20%	10%	6.2	1.3	-
BSR		UPCOM	17,300	12,900	05/02/2021	1,337	431	10,444	4%	2%	29.9	1.2	0%
GTN		HOSE	16,850	36,290	29/01/2021	303	621	16,074	7%	8%	58.4	2.3	0%
LHG		HOSE	45,000	30,400	19/01/2021	180	3,601	26,394	11%	6%	8.1	1.0	-
CTR		UPCOM	0	78,800	19/01/2021	223	3,172	14,460	23%	6%	21.1	4.6	10%
POW		HOSE	10,800	14,700	19/01/2021	2,837	1,055	14,071	9%	5%	13.9	1.0	3%

* Giá mục tiêu chưa điều chỉnh cổ tức sau ngày báo cáo.

** Tỷ lệ cổ tức dự kiến năm 2021 trên mệnh giá.

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Đảm bảo phân tích

Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

Định nghĩa xếp loại

Overweight (OW) =cao hơn thị trường nội địa trên 10%

Neutral (N) =bằng thị trường nội địa với tỷ lệ từ +10%~ -10%

Underweight (UW) =thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%.

Not Rated (NR) = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết.

Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

Miễn trách

Thông tin này được tổng hợp từ các nguồn mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy, nhưng chúng tôi không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của nó. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Chứng khoán Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Chứng khoán Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của chúng tôi vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS).

Tầng 21, Tòa nhà Phú Mỹ Hưng, 08 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5479

Fax: (84-28) 5 413 5472

Customer Service: (84-28) 5 411 8855

Call Center: (84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Web: www.phs.vn

PGD Phú Mỹ Hưng

Tòa nhà CR2-08, 107 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM.

Điện thoại: (84-28) 5 413 5478

Fax: (84-28) 5 413 5473

Chi nhánh Quận 3

Tầng 2, Tòa nhà Phương Nam, 157 Võ Thị Sáu, Phường 6, Quận 3, Tp. HCM.

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi Nhánh Thanh Xuân

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Điện thoại: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Tân Bình

Tầng trệt, P. G.4A, Tòa nhà E-Town 2, 364 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, Tp. HCM.

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415

Chi nhánh Hà Nội

Tầng 5, Tòa nhà Vinafor, 127 Lò Đúc, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Điện thoại: (84-24) 3 933 4566

Fax: (84-24) 3 933 4820

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng.

Điện thoại: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. HCM.

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.